

Bản án số: **26/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 25- 11-2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Võ Tấn Nga.

2/ Ông Nguyễn Công Lý.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 161/2019/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Phú Đ, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã Vĩnh L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 và tại phiên nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày như sau:

Chị T và anh P tự nguyện kết hôn với nhau và có tổ chức đám cưới vào năm 2006. Đến năm 2009, thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L cấp giấy chứng nhận vào ngày 04/7/2009. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc với nhau và có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 22/12/2007 và Nguyễn Cao L, sinh ngày 02/6/2011, hiện con chung đang sống với chị. Tuy nhiên, thời gian về sau vợ chồng

thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù đã cố hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ hơn 07 năm nay. Hiện chị đang sống bên nhà mẹ ruột ở ấp Mỹ Phú Đ, xã Hưng P, huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu và từ khi ly thân hai chồng cũng không liên lạc gì.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa chị T rút lại không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên phía anh P vẫn vắng mặt cũng như không có biên bản trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX cho chị T được ly hôn với anh P; về con chung tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung do không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con tại phiên tòa do nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con và bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Vĩnh L, huyện Thạnh T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn P, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 tuy nhiên phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố Tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh P.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án:

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Lê Thị T với bị đơn anh Nguyễn Văn P quen biết nhau, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2009. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 04/7/2009 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Thanh T (BL 02) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, mặc dù đã cố hàn gắn nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ hơn 07 năm nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của chị T và anh P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân hơn 07 năm, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị T xác định không còn tình cảm với anh P và kiên quyết xin ly hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người không thể hàn gắn được. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận.

[5] *Về con chung*: Chị T và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 22/12/2007 và Nguyễn Cao L, sinh ngày 02/6/2011, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hai đứa con hiện sống chung với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay và có cuộc sống ổn định cũng như đang được chị T cho đi học. Đồng thời, hai con chung là Mỹ Xuyên và Cao Lộc cũng có nguyện vọng là được sống chung với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống hiện tại của hai cháu. Từ đó, xét yêu cầu của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận. Dành quyền cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặc ra xem xét.

[7] Về tiền án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ X, sinh ngày 22/12/2007 và Nguyễn Cao L, sinh ngày 02/6/2011 cho chị Lê Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

5. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008296 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Toàn